

Số: /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày

tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ủy quyền cho Sở Công Thương Hà Nội giải quyết một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực công thương thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 ngày 28/6/2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc Hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của Chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 37/2025/TT-BCT ngày 14/6/2025 của Bộ Công Thương hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và UBND xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Công Thương số: 1752/QĐ-BCT ngày 19/6/2025 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính mới ban hành trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương; số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 về việc công bố thủ tục hành chính mới được ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; số 1473/QĐ-BCT ngày 28/5/2025 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương; số 1972/QĐ-BCT ngày 07/7/2025 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương; số 2502/QĐ-BCT ngày 05/9/2025 về

việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực xuất nhập khẩu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 39/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 57/2025/QĐ-UBND ngày 22/9/2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương thành phố Hà Nội tại Tờ trình số 6162/TTr-SCT ngày 20/10/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ủy quyền cho Sở Công Thương thành phố Hà Nội giải quyết 129 thủ tục hành chính trong lĩnh vực công thương thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, cụ thể: 20 thủ tục lĩnh vực Xuất nhập khẩu; 03 thủ tục lĩnh vực Quản lý bán hàng đa cấp; 05 thủ tục lĩnh vực Thương mại quốc tế; 11 thủ tục lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng; 01 thủ tục lĩnh vực Công nghiệp nặng; 07 thủ tục lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước; 03 thủ tục lĩnh vực Thương mại điện tử; 02 thủ tục lĩnh vực Xúc tiến thương mại; 02 thủ tục lĩnh vực Giám định thương mại; 15 thủ tục lĩnh vực Kinh doanh khí; 10 thủ tục lĩnh vực An toàn thực phẩm; 20 thủ tục lĩnh vực Hóa chất; 01 thủ tục lĩnh vực Dầu khí; 01 thủ tục lĩnh vực Khoa học công nghệ; 06 thủ tục lĩnh vực Chất lượng sản phẩm hàng hóa; 09 thủ tục lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng; 07 thủ tục lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; 02 thủ tục lĩnh vực An toàn Vệ sinh lao động; 04 thủ tục lĩnh vực Khoáng sản.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Thời hạn ủy quyền: Kể từ ngày ký đến hết ngày 28/02/2027.

Điều 3. Sở Công Thương thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền theo quy định tại Điều 1, Quyết định này; định kỳ 06 tháng, hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố về kết quả thực hiện và các vấn đề đột xuất, phát sinh để xin ý kiến chỉ đạo.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Công Thương, các Sở, ban, ngành và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Bộ Công Thương;
- Thường trực Thành ủy;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- VPUBTP: CVP, các PCVP B.V.Thắng, các phòng: NC, KT, ĐT, TH;
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Thu Hà

Phụ lục
DANH MỤC CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG
ỦY QUYỀN CHO SỞ CÔNG THƯƠNG GIẢI QUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND Thành phố)

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
I.	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu (20 TTHC)		
1.	1.000477	Cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định pháp luật	Khoản 13, Điều 31, Nghị định số 146/2025-NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định: “ <i>Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương về xem xét cấp Giấy phép quá cảnh đối với hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện</i> ”.
2.	1.013778	Thủ tục gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh	Khoản 5, Điều 28, Nghị định số 146/2025-NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định: “ <i>Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương cho phép gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật Quản lý ngoại thương theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Luật Quản lý ngoại thương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện</i> ”.
3.	1.013779	Thủ tục cấp Giấy phép cho thương nhân được ký hợp đồng đại lý mua, bán hàng hóa xuất khẩu theo giấy phép	Khoản 14, Điều 31, Nghị định số 146/2025-NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định: “ <i>Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ, cơ quan ngang bộ có thẩm quyền quản lý cấp Giấy phép cho thương nhân được ký hợp đồng đại lý mua, bán hàng hóa xuất khẩu theo giấy phép quy định tại khoản 1 Điều 50 Nghị định 69/2018/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện</i> ”.
4.	1.001419	Thủ tục cấp phép nhập khẩu sản phẩm thuốc lá để kinh doanh hàng miễn thuế	Tại khoản 1, Điều 34, Nghị định số 146/2025-NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định: “ <i>Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương về cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm thuốc lá để kinh doanh hàng miễn thuế theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 100/2020/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện</i> ”.
5.	1.000350	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	Tại khoản 1, Điều 33, Nghị định số 146/2025-NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định: “ <i>Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương), Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ trưởng Bộ Công Thương) cấp, cấp lại, cấp sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu,</i>
			<i>quyền nhập khẩu hàng hoá cho thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam quy định tại Điều 6 Nghị định số 90/2007/NĐ-</i>

6.	1.005405	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	khoản 1, Điều 33, Nghị định số 146/2025-NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định: “ <i>Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương), Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ trưởng Bộ Công Thương) cấp, cấp lại, cấp sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu hàng hoá cho thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam quy định tại Điều 6 Nghị định số 90/2007/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện</i> ”.
7.	1.005406	Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	Tại khoản 1, Điều 33, Nghị định số 146/2025-NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định: “ <i>Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương), Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ trưởng Bộ Công Thương) cấp, cấp lại, cấp sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu hàng hoá cho thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam quy định tại Điều 6 Nghị định số 90/2007/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện</i> ”.
8.	1.001062	Cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất	Tại khoản 7, Điều 31, Nghị định số 146/2025-NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định: “ <i>Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương về cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập tái xuất quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện</i> ”.
9.	1.000957	Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác	Tại khoản 9, Điều 31, Nghị định số 146/2025-NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định: “ <i>Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương về cấp Giấy phép tạm nhập tái xuất theo hình thức khác quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện</i> ”
10.	1.000905	Thủ tục cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập	Tại khoản 10, Điều 31, Nghị định số 146/2025-NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định: “ <i>Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương về cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 17 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện</i> ”
11.	1.000890	Cấp Giấy phép kinh doanh chuyên khẩu	Tại khoản 11, Điều 31, Nghị định số 146/2025-NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định:
			“ <i>Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương về cấp Giấy phép kinh doanh chuyên khẩu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 18 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện</i> ”.

12.	1.004155	Cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh	Tại khoản 12, Điều 31, Nghị định số 146/2025-NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định: <i>“Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương về cấp, thu hồi, đình chỉ tạm thời hiệu lực Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất quy định tại khoản 1 Điều 26, khoản 1, khoản 2 Điều 28 và khoản 1 Điều 29 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP; quản lý sử dụng và hoàn trả số tiền ký quỹ của doanh nghiệp; tổ chức kiểm tra xác nhận điều kiện về kho, bãi của doanh nghiệp kinh doanh tạm nhập, tái xuất thực phẩm đông lạnh quy định tại Điều 30 và khoản 2 Điều 32 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện”</i>
13.	1.004181	Cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt	
14.	2.001758	Cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng	
15.	1.000551	Sửa đổi, bổ sung/cấp lại Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất	
16.	1.013991	Cấp phép nhập khẩu mặt hàng có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh nhưng không phục vụ quốc phòng, an ninh	Tại khoản 5, Điều 31, Nghị định số 146/2025-NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định: <i>“Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương về cấp phép nhập khẩu hàng hóa có ảnh hưởng trực tiếp đến quốc phòng, an ninh thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 69/2018/NĐ-CP nhưng không phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện trên cơ sở ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.”.</i>
17.	1.000363	Cấp phép nhập khẩu tự động thuốc lá điếu, xì gà	Tại khoản 1, Điều 23, Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025: <i>“1. Bổ sung khoản 1a vào Điều 9 như sau: “1a. Bộ trưởng Bộ Công Thương phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thương nhân có trụ sở chính tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và thực hiện xác nhận hoặc từ chối Đơn đăng ký nhập khẩu tự động thuốc lá điếu, xì gà”.</i>
18.	1.000264	Đăng ký Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan xuất khẩu mặt ong tự nhiên sang Nhật Bản	Tại khoản 1, Điều 25, Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025: <i>“1. Sửa đổi Điều 3 như sau: “Điều 3. Cơ quan xác nhận Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan: Cơ quan xác nhận Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan theo yêu cầu của người xuất khẩu là cơ quan cấp phép nơi thương nhân xuất khẩu đặt trụ sở chính”.</i>
19.	1.001238	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương	Tại khoản 6, Điều 31, Nghị định số 146/2025-NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định: <i>“Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ, cơ quan ngang Bộ có thẩm quyền quản lý thực hiện cấp, thu hồi CFS đối với hàng hóa xuất khẩu quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 11 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện. Quy trình, thủ tục cấp CFS đối với hàng hóa</i>

20.	1.004191	Sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm xuất, tái nhập; Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu	Tại khoản 6, Điều 31, Nghị định số 146/2025-NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định: “ <i>Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ, cơ quan ngang Bộ có thẩm quyền quản lý thực hiện cấp, thu hồi CFS đối với hàng hóa xuất khẩu quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 11 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện. Quy trình, thủ tục cấp CFS đối với hàng hóa xuất khẩu thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP</i> ”
II. Lĩnh vực Quản lý bán hàng đa cấp (03 TTHC)			
21.	2.001573	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp	Tại khoản 1, Điều 48, Nghị định số 146/2025-NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định: “ <i>Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương về giải quyết thủ tục thông báo chấm dứt bán hàng đa cấp quy định tại Điều 18 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện</i> ”.
22.	1.003705	Công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp	Tại khoản 2, Điều 48, Nghị định số 146/2025-NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định: “ <i>Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương về công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp quy định tại khoản 2 Điều 35 và khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 36 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện</i> ”.
23.	2.000324	Xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương	Tại khoản 5, Điều 48, Nghị định số 146/2025-NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định: “ <i>Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương về kiểm tra, cấp, thu hồi xác nhận kiến thức cho đầu mối tại địa phương quy định tại Điều 38 và Điều 39 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện</i> ”
III. Lĩnh vực Thương mại quốc tế (05 TTHC)			
24.	1.000376	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Tại khoản 1, Điều 35, Nghị định số 146/2025-NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định: “ <i>Nhiệm vụ,</i>
25.	1.000361	Cấp lại Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	<i>quyền hạn của Bộ Công Thương về việc cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài và chấm dứt hoạt động của Chi nhánh quy định tại Điều 6 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện</i> ”.
26.	2.000129	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	
27.	1.000358	Gia hạn Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	

28.	1.000168	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	
IV. Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng (11 TTHC)			
29.	1.004021	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	Khoản 1, Điều 20, Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ “1. <i>Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương về cấp, cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại, thu hồi Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp có quy mô từ 03 triệu lít/năm trở lên quy định tại điểm a, điểm d khoản 1 Điều 25, khoản 2 Điều 33 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện</i> ”.
30.	1.003992	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	
31.	1.004007	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	
32.	1.000667	Nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá	Khoản 11, Điều 18 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ “11. <i>Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương về cho phép nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện</i> ”
33.	1.000981	Cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	Khoản 5, Điều 18 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ: “5. <i>Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương về cấp, cấp lại, cấp sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá quy định tại khoản 1 Điều 14. Điều 43 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện</i> ”
34.	1.000948	Cấp lại Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	
35.	1.000911	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	
36.	2.000209	Nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại	Khoản 9, Điều 18 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ: “9. <i>Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương về nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện</i> ”
37.	1.000162	Chấp thuận đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu, di chuyển địa điểm theo quy hoạch; đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá	Khoản 8, Điều 18 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ: “8. <i>Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương về đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ; đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu; di chuyển địa điểm theo quy hoạch; đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện</i> ”.
38.	1.000172	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá	Khoản 13, Điều 18 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ: “13. <i>Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương về chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất xuất khẩu, gia công xuất khẩu quy định</i>

39.	1.000949	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu	<i>tại điểm d khoản 2 Điều 36 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện”</i>
V. Lĩnh vực Công nghiệp nặng (01 TTHC)			
40.	1.001304	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa	Tại khoản 1, Điều 54 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP quy định về phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương tại Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ quy định: “1. <i>Thẩm quyền của Bộ Công Thương về cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị định số 111/2015/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.</i> ”
VI. Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước (07 TTHC)			
41.		Nhượng bán, xuất khẩu, tái xuất, thanh lý máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá của các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá, chế biến nguyên liệu thuốc lá	Khoản 10, Điều 18 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định: “10. <i>Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương về việc nhượng bán, xuất khẩu, tái xuất, thanh lý máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá của các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá, chế biến nguyên liệu thuốc lá quy định tại điểm b khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 33 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện”</i>
42.	1.003977	Cấp Giấy phép phân phối rượu.	Tại khoản 2, Điều 20, Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. Quy định: <i>Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương về cấp, cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại, thu hồi Giấy phép phân phối rượu quy định tại điểm a, điểm d khoản 1 Điều 25, khoản 2 Điều 33 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.</i>
43.	1.005376	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối rượu.	
44.	1.003101	Cấp lại Giấy phép phân phối rượu.	
45.	1.001338	Cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	Tại khoản 1, Điều 19, Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định: <i>Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương về cấp, cấp lại, cấp sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy phép phân phối sản phẩm</i>
46.	1.001323	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	

47.	2.000598	Cấp lại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	<i>thuốc lá của Bộ Công Thương quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28, Điều 43 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.</i>
VII. Lĩnh vực Thương mại điện tử (03 TTHC)			
48.	1.003.390	Thông báo ứng dụng thương mại điện tử bán hàng	Tại khoản 3, Điều 49, Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định: “ <i>Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương về tiếp nhận thủ tục thông báo ứng dụng thương mại điện tử bán hàng quy định tại khoản 3 Điều 25 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.</i> ”
49.	1.000.880	Đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử	Tại khoản 4, Điều 49, Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định: “ <i>Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương về tiếp nhận thủ tục đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử được quy định tại Điều 60 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.</i> ”
50.	2.000.243	Thông báo website thương mại điện tử bán hàng	Tại khoản 5, Điều 49, Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định: <i>Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương về lấy ý kiến Bộ Công an về an ninh quốc gia trong quá trình đề nghị cấp, điều chỉnh Giấy phép kinh doanh quy định tại khoản 5 Điều 67 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.</i>
VIII. Lĩnh vực Xúc tiến thương mại (02 TTHC)			
51.	2.000026	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại nước ngoài	Tại khoản 1 Điều 14 Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định: “ <i>Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương trong việc xác nhận hoặc không xác nhận việc thương nhân tổ chức cho thương nhân, tổ chức, cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm</i>
52.	2.000133	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài	
			<i>thương mại tại nước ngoài (không bao gồm các hoạt động hội chợ, triển lãm thương mại trong khuôn khổ các chương trình, hoạt động xúc tiến thương mại do Thủ tướng Chính phủ quyết định) quy định tại điểm b khoản 2 Điều 29 Nghị định 81/2018/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.”</i>
IX. Lĩnh vực Giám định thương mại (02 TTHC)			
53.	1.005190	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại	Tại khoản 1, khoản 2, Điều 11, Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số

54.	2.000110	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại	01/2015/TT-BCT ngày 15/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương: <i>“1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3 như sau: 1. Cơ quan đăng ký dấu nghiệp vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại nơi thương nhân đăng ký kinh doanh. 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau: Điều 7, Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ...5. Thay thế cụm từ “Sở Công Thương” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân” tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 01/2015/TT-BCT.”</i>
X. Lĩnh vực Kinh doanh khí (15 TTHC)			
55.	2.001424	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG.	Tại khoản 1, Điều 49, Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. Quy định: “ <i>Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương về cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG/LNG/CNG quy định tại khoản 1 Điều 44, Điều 45, khoản 2 Điều 46 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.</i> ”
56.	1.000491	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG.	
57.	1.000510	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG.	
58.	1.005184	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG.	
59.	1.000649	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG.	
60.	1.005372	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG.	
61.	1.000706	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG.	
62.	2.000146	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG.	
63.	1.000387	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG.	

64.	1.000475	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai chứa LPG.	Khoản 2 Điều 16 Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định: <i>“Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương về cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai chứa LPG quy định tại khoản 1 Điều 44, Điều 45, khoản 2 Điều 46 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.”</i>
65.	1.000455	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai chứa LPG.	
66.	1.000742	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai chứa LPG.	
67.	2.000304	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini.	
68.	1.000709	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini.	
69.	1.000704	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini.	Khoản 3 Điều 16 Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định: <i>“Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương về cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini quy định tại khoản 1 Điều 44, Điều 45, khoản 2 Điều 46 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện”</i>
XI. Lĩnh vực An toàn thực phẩm (10 TTHC)			
70.	2.000117	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	- Khoản 5 Điều 37 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại quy định <i>“Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương về cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương quy định tại khoản 6 Điều 39 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.</i> - Khoản 1 Điều 16 Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2018/TTBCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương quy định: <i>“1. Sửa đổi tiêu đề Khoản 1 Điều 6 như sau: “1. Bộ trưởng Bộ Công Thương phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận”.</i>
71.	2.000115	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	
72.	2.001293	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh thực phẩm	
73.	2.001278	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh thực phẩm	
74.	2.001682	Đăng ký chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	
75.	1.003951	Đăng ký gia hạn chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	
76.	2.001660	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	

77.	1.003860	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	77/2016/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện”
78.	2.001595	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	
79.	1.003929	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	
XII.	Lĩnh vực Hóa chất (20 TTHC)		
80.	1.003820	Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	Khoản 1 Điều 8 Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định: <i>“Nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ về cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, thu hồi Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1 quy định tại khoản 1, điểm c, d khoản 3, điểm c khoản 4 Điều 11 và điểm b khoản 2 Điều 36 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện”</i>
81.	1.003775	Cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	
82.	2.001585	Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	
83.	1.003724	Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2 và hóa chất Bảng 3	Khoản 6 Điều 9 Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định: <i>“Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương về cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, gia hạn, thu hồi theo thẩm quyền Giấy phép sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3; tiếp nhận hồ sơ và báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng 1 quy định tại điểm b khoản 2 Điều 36 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện”</i>
84.	2.001722	Cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2 và hóa chất Bảng 3	
85.	1.004031	Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	
86.	2.000431	Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	Khoản 2 Điều 8 Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định: <i>“Nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ về cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1 quy định tại khoản 1, điểm c, d khoản 3, điểm c khoản 4, điểm d khoản 6 Điều 18 và điểm b khoản 2 Điều 36 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện”</i>
87.	1.012429	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	
88.	1.012430	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	
89.	1.012431	Cấp gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	Khoản 6 Điều 9 Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định: <i>“Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương về cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, gia hạn, thu hồi theo thẩm quyền Giấy phép sản xuất, kinh</i>
90.	2.000257	Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3	

91.	1.012432	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3	<i>doanh, nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3; tiếp nhận hồ sơ và báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng 1 quy định tại điểm b khoản 2 Điều 36 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện”</i>
92.	1.012433	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3	
93.	1.012434	Cấp Gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3	
94.	1.012438	Cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	
95.	1.012439	Cấp lại Giấy phép kinh doanh hoá chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3	
96.	1.012440	Cấp điều chỉnh Giấy phép kinh doanh hoá chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3	
97.	1.012441	Cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3	
98.	1.012442	Cấp lại Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3	
99.	1.012443	Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3	
XIII. Lĩnh vực Dầu khí (01 TTHC)			
100.	1.000862	Chấp thuận các tài liệu an toàn thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh	Khoản 3 Điều 4 Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương quy định: <i>“Điều 28. Trách nhiệm của UBND cấp tỉnh</i> <i>Chấp thuận các tài liệu quản lý an toàn đối với các công trình dầu khí trên đại bàn trừ các công trình có quy mô tại Khoản 1 Điều 27 Thông tư này”</i>
XIV. Lĩnh vực Khoa học công nghệ (01 TTHC)			
101.	2.000147	Cấp Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	Khoản 1 Điều 38 Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định: <i>“Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương về chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp và thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp tại Điều 18 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện”</i>
XV. Lĩnh vực Chất lượng sản phẩm hàng hóa (06 TTHC)			
102.	1.013989	Cấp thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực được chỉ định	Khoản 1 Điều 38 Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định: <i>“Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương về chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp và thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp tại</i>

103.	1.013990	Cấp lại quyết định chỉ định	<i>Điều 18 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện”</i>
104.	2.000604	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	Khoản 1 Điều 39 Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định: <i>“Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương về cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp đối với sản phẩm, hàng hóa, quá trình sản xuất, cung ứng dịch vụ, quá trình, môi trường thuộc trách nhiệm, quản lý nhà nước của Bộ Công Thương tại Điều 4 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.”</i>
105.	2.001665	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	
106.	2.001675	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	
107.	2.000046	Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy các sản phẩm, hàng hóa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia	Tại khoản 3, Điều 10, Thông tư số 38/2025/TT-BCT của Bộ Công Thương quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương: <i>“3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12 như sau: “2. Khi công bố hợp quy, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu phải đăng ký bản công bố hợp quy tại Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu.”</i>
XVI. Lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (09 TTHC)			
108.	1.000878	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	Khoản 5 Điều 10 Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương: <i>“5. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:</i>
109.	2.000401	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	
110.	2.000251	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	
111.	1.001292	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	<i>“Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i> <i>1. Thực hiện thủ tục cấp, cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp (hoạt động thử nghiệm, chứng nhận, giám định, kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa); Kiểm tra, giám sát hoạt động của các tổ chức đánh giá sự phù hợp đã</i>
112.	2.000628	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	
113.	2.000624	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	

114.	1.001271	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	được cấp Giấy chứng nhận; Xử lý vi phạm theo quy định pháp luật.”
115.	2.000618	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	
116.	2.000613	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	
XVII.	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (07 TTHC)		
117.	2.001434	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh	Khoản 1 Điều 23 Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định: “Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ban hành văn bản đề nghị cấp giấy phép dịch vụ nổ mìn trên thềm lục địa hoặc dịch vụ nổ mìn có phạm vi hoạt động trên toàn lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định tại điểm b khoản 4 Điều 40 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2024 do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện ”
118.	1.013058	Cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân Tỉnh	
119.	2.001433	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh	
120.	1.000998	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ	Khoản 2 Điều 23 Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định: “Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc quy định cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ quy định tại khoản 5 Điều 44 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện ”
121.	1.000965	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ	
122.	2.000229	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	Khoản 1 Điều 24 Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định: “Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương về huấn luyện, kiểm tra, cấp, cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 6, Điều 9 và điểm b khoản 1 Điều 18 Nghị định số 181/2024/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.”
123.	2.000210	Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	
XVIII.	Lĩnh vực An toàn Vệ sinh lao động (02 TTHC)		
124.	1.000140	Cấp chứng chỉ kiểm định viên	Khoản 1 Điều 27 Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định: “Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương về việc cấp, cấp lại chứng chỉ kiểm định viên thuộc thẩm quyền quản lý ngành, lĩnh vực quy định tại khoản 4 Điều 42 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp

125.	1.000066	Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên	<i>tỉnh thực hiện”</i>
XIX. Lĩnh vực Khoáng sản (04 TTHC)			
126.	1.013652	Phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Khoản 1, Điều 11, Thông tư 24/2025/TT-BCT ngày 13-05-2025 của Bộ Công Thương Quy định về lập và phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản, quy định: “Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh <i>1. Tổ chức tiếp nhận, kiểm tra, đánh giá và phê duyệt hồ sơ đề nghị phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò của các doanh nghiệp thuộc thẩm quyền.”</i>
127.	1.014125	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	Điểm b, Khoản 3, Điều 6, Thông tư 43/2025/TT-BCT ngày 04/7/025 của Bộ Công Thương Quy định về kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản, quy định: <i>“Đối với mỏ khai thác khoáng sản hầm lò: Xây dựng tài liệu huấn luyện theo nội dung quy định tại Điều 5 Thông tư này; lựa chọn người huấn luyện phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều này; tổ chức huấn luyện; quản lý, theo dõi công tác huấn luyện kỹ thuật an toàn về khai thác khoáng sản tại doanh nghiệp; đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có mỏ khai thác khoáng sản kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn cho những người đã được huấn luyện đạt yêu cầu.”</i>
128.	1.014125	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	
129.	1.014127	Thu hồi giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	